TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THUỶ** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 11 - 2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUỶ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Trung Tuân
2. Bà Lê Thị Trà Giang
Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 27/11/2018, tại Hội trường, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLS-HNGĐ ngày 22/9/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1988
Nơi đăng ký NKTT: Xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ tạm trú: Đội 1 thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 22/8/2018, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Trần Quốc T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2012, quyển số 01/2011 ngày 10/12/2012 của UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào sinh sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương, khoảng 01 năm sau khi kết hôn chị ra nhà bố mẹ chị sinh con. Từ khi chị sinh con, anh T sinh tật nhậu nhẹt, bỏ bê công việc, không quan tâm đến chị và con. Chị đã nhiều lần khuyên can anh tập trung làm ăn lấy tiền nuôi con và tích luỹ nhưng anh T không nghe, không chú tâm làm ăn và sự việc ngày càng tồi tệ hơn.

Trước khi quyết định làm đơn xin ly hôn, chị đã sống ly thân với anh T 03 tháng để anh T suy nghĩ lại nhưng anh T vẫn không thay đổi cách sống, cách suy nghĩ, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, anh T vẫn không quan tâm đến gia đình. Tại phiên toà, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quốc Phi H, sinh ngày 09/6/2014 hiện nay đang sống cùng chị. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Trần Quốc T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ đã thông báo thụ lý vụ án, niêm yết giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T đều vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Toà án tiếp tục niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà đến anh T hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt. Theo Giấy xác nhận của Ban Công an xã S, huyện L ngày 21/8/2018 do chị T giao nộp thì anh Trần Quốc T hiện đang cư trú, làm ăn, sinh sống và có mặt tại địa phương xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ nhưng bị đơn anh Trần Quốc T đều vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được; anh T vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất ngày 09/11/2018 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn anh Trần Quốc T vẫn vắng mặt mặc dù Toà án đã tống đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Quốc T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi chị T sinh con, anh T bỏ bê công việc, không quan tâm đến mái ấm gia đình riêng của mình; hai bên thiếu sự trao đổi, chia sẽ trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị T quyết định sống ly thân để anh T suy nghĩ lại nhưng anh T vẫn bỏ mặc, không gặp gỡ, động viên chị T trở lại đoàn tụ vợ

chồng nên mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Toà án đã triệu tập, tống đạt thông báo hoà giải đến anh T hợp lệ nhưng anh vẫn không đến tham gia hoà giải chứng tỏ anh không còn quan tâm đến chị T và con chung của vợ chồng, không muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình. Xét mục đích hôn nhân của chị T không đạt được, hai vợ chồng sống ly thân mà không ai quan tâm đến ai, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Quốc T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Trần Quốc Phi H, sinh ngày 09/6/2014 hiện nay đang do chị T nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị T tiếp tục được nuôi con, vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu do chị có đủ khả năng và điều kiện để nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nợ chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Quốc Phi Hùng, sinh ngày 09/6/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu do chị có đủ khả năng và điều kiện để nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thuỷ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0001836 ngày 22 tháng 8 năm 2018. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2018); anh T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết

tại nơi cư trú và trụ sở Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã S;
- Lưu HS, VP.